TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BUÔN ĐÔN
TỈNH ĐẮKLẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập- Tự Do- Hạnh Phúc

Bản án số: 21/2020/DSST
Ngày 08/12/2020.
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BUÔN ĐÔN, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Vinh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lưu Thị Hằng;

2. Ông Y Đưng Knul.

- *Thư ký ghi biên bản phiên toà:* Ông Đinh Ngọc Lương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn tham gia phiên tòa:* Ông Trịnh Quốc Việt – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Buôn Đôn mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 109/2020/TLST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2020/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị H - Sinh năm 1964
Trú tại: Thôn 06, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).
- Bị đơn: Bà Phạm Thị N – Sinh năm 1972
Trú tại: Thôn 06, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/10/2020, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Huỳnh Thị H trình bày:

Ngày 15/7/2018 tôi đã cho bà Phạm Thị N, trú tại thôn 06, xã E, huyện B vay số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) thời hạn trả nợ ngày 15/12/2018, hai bên có lập giấy mượn tiền và ký xác nhận, khi mượn tiền giữa tôi và bà N thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, chồng bà N không biết. Đến hạn trả nợ tôi đã nhiều lần đến nhà bà N để đòi nợ nhưng bà N cố tình trốn tránh không trả nợ.

Vì vậy, tôi đã làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết, sau khi khởi kiện thì bà N năn nỉ tôi rút đơn về và viết giấy hẹn nợ và thỏa thuận tính lãi từ ngày 15/7/2018 đến ngày 10/3/2020 là 4.000.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng cả gốc và lãi là 34.000.000 đồng, bà N hẹn đến ngày 10/9/2020 trả đủ 34.000.000 đồng nhưng đến hẹn bà N vẫn không trả.

Nay tôi yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn xem xét giải quyết buộc bà Phạm Thị N có nghĩa vụ trả cho tôi số tiền 34.476.000 đồng (trong đó nợ gốc 30.000.000 đồng, nợ lãi 4.476.000 đồng), ngoài ra tôi không yêu cầu gì thêm.

Về án phí: Tôi yêu cầu bà Phạm Thị N phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

- Tại bản tự khai ngày 05/11/2020 và tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Phạm Thị N trình bày:

Tôi và bà Huỳnh Thị H sống cùng thôn với nhau nên ngày 15/7/2018 tôi có vay bà H số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) thời hạn trả nợ ngày 15/12/2018, hai bên có lập giấy mượn tiền và ký xác nhận, tôi thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, số tiền này thực chất là chơi góp ngày nhưng không góp đủ nên cộng dồn vào mới nợ số tiền trên, chồng tôi không biết và không liên quan đến số nợ này. Đến hạn trả nợ do điều kiện kinh tế khó khăn nên chưa trả nợ cho bà H.

Vì vậy, bà H đã làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết, thì tôi nói bà H rút đơn kiện về, tôi viết giấy hẹn nợ và thỏa thuận tính lãi từ ngày 15/7/2018 đến ngày 10/3/2020 là 4.000.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng cả gốc và lãi là 34.000.000 đồng, tôi hẹn đến ngày 10/9/2020 trả đủ nhưng đến nay vẫn chưa trả.

Nay bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn giải quyết buộc tôi có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền 34.476.000 đồng (trong đó nợ gốc 30.000.000 đồng, nợ lãi hai bên thỏa thuận 4.476.000 đồng), tôi đồng ý trả số nợ trên nhưng xin bà H cho trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 10/11/2020, và ngày 19/11/2020 các đương sự không thống nhất được với nhau về thời gian và phương thức trả nợ, nên hoà giải không thành. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn căn cứ Điều 203 Bộ luật tố tụng Dân sự, đưa vụ án ra xét xử.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Nguyên đơn và bị đơn chấp hành pháp luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Các điều 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn bà Phạm Thị N có nghĩa vụ trả nợ cho bà Huỳnh Thị H số tiền 34.476.000 đồng (trong đó nợ gốc 30.000.000 đồng, nợ lãi 4.476.000 đồng) và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng công khai trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, tài liệu đã

thu thập có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên, của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Xét giấy mượn tiền lập ngày 15/7/2018 và giấy hẹn nợ ngày 10/3/2020 giữa bà Huỳnh Thị H và bà Phạm Thị N thì đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng Dân sự và các Điều 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Hội đồng xét xử nhận thấy giấy mượn tiền lập ngày 15/7/2018 và giấy hẹn nợ ngày 10/3/2020 giữa bà Huỳnh Thị H và bà Phạm Thị N là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, được thể hiện bằng văn bản giấy mượn tiền, bà H cho bà N mượn số tiền 30.000.000 đồng. Đến hạn trả nợ nhưng bà N không trả, mặt dù bà H đã nhiều lần đòi nợ nhưng không được, như vậy bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị H là phù hợp với quy định tại các điều 463, 466 Bộ luật Dân sự.

[2.1] Đối với số tiền lãi: Nguyên đơn bà Huỳnh Thị H và bị đơn bà Phạm Thị N đã thống nhất thỏa thuận tính lãi từ ngày 15/7/2018 đến ngày 22/10/2020 là 4.476.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy mức lãi suất bà H và bà N thỏa thuận là phù hợp với Điều 468 của Bộ luật Dân sự nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Phạm Thị N có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị H 4.476.000 đồng tiền lãi.

Do đó, tổng số tiền gốc và lãi bà Phạm Thị N phải trả cho bà Huỳnh Thị H là 34.476.000 đồng (trong đó nợ gốc 30.000.000 đồng, nợ lãi 4.476.000 đồng).

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Hà được chấp nhận nên bà Hà không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm.

Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bà Phạm Thị N phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 147, Điều 203 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Áp dụng: Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự ;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị H.

Buộc bị đơn bà Phạm Thị N phải trả cho bà Huỳnh Thị H số tiền 34.476.000 đồng (trong đó nợ gốc 30.000.000 đồng, nợ lãi 4.476.000 đồng).

Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ về tài sản thì kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Về án phí: Bà Phạm Thị N phải nộp 1.723.800 đồng (một triệu bảy trăm hai mươi ba nghìn tám trăm đồng) án phí Dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Huỳnh Thị H 861.900 đồng (tám trăm sáu mươi mốt nghìn chín trăm đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số: 0010673 ngày 26/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Buôn Đôn, tỉnh ĐắkLắk.

" Trường hợp bản án được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự".

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

<u>Nơi nhận</u>:
- TAND tỉnh,
- VKSND tỉnh;
- VKS huyện Buôn Đôn;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Nguyễn Vinh Tuấn